

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HS-ST.
Ngày 21 - 02 - 2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vương Thị Khánh Loan.

Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 601/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 645/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2023/HSST-QĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đông Nhật Tr**, sinh năm 1987, tại tỉnh Đ (có mặt).

Nơi cư trú: 64/5, khu phố 2, phường An Bình, thành phố B, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Nhân viên giao hàng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đông H, sinh năm 1956; và bà Tô Thị V, sinh năm 1961; vợ Ao Thị Thu Ng, sinh năm 1988, có 01 con chung, sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Bị hại: Công ty G.

Trụ sở: Tòa nhà VTV, số 8 Phạm Hùng, phường M, quận N, thành phố H1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Hồng Q**, sinh năm 1987 - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Hồng S**, sinh năm 1997 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 77, đường 28, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố T, thành phố H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/06/2020 Đông Nhật Tr, ký hợp đồng dịch vụ với Công ty G (gọi tắt là nhân viên giao hàng) để nhận hàng từ Công ty G, mang đi giao cho khách hàng rồi thu tiền của khách hàng giao lại cho Công ty.

Quy trình thực hiện nhiệm vụ của nhân viên giao hàng như sau: Nhân viên giao hàng sẽ nhận hàng từ nhân viên điều phối, sau đó liên hệ với khách hàng để giao hàng và thu tiền. Sau khi giao hàng và thu tiền thành công khi hết ca làm việc (01 ngày được chia làm 02 ca, từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 30 phút và 11 giờ 30 phút đến 18 giờ 30 phút hàng ngày) phải giao tiền lại cho nhân viên điều phối, trường hợp giao hàng không thành công thì báo cho nhân viên điều phối và cập nhật trên hệ thống giao chưa thành công để quản lý.

Lợi dụng sơ hở trong quản lý, từ ngày 24/12/2020 đến ngày 18/01/2021 Tr đã nhận hàng từ nhân viên điều phối của công ty mang đi giao cho khách hàng và thu tiền nhưng khi thu được tiền Tr không nộp về Công ty theo quy định mà báo cáo các đơn hàng đang bị “delay”, rồi chiếm đoạt số tiền đã thu đối với 48 đơn hàng, tương ứng với số tiền 84.820.305đồng (Tám mươi bốn triệu tám trăm hai mươi nghìn ba trăm linh năm đồng), cụ thể như sau:

Ngày 24/12/2020 Tr giao 01 (một) đơn hàng và thu tiền của khách hàng rồi chiếm đoạt số tiền 3.050.000đồng (Ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngày 26/12/2020 Tr giao 01 (một) đơn hàng và thu tiền của khách hàng rồi chiếm đoạt số tiền 2.499.000đồng (Hai triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng).

Ngày 29/12/2020 Tr giao 02 (hai) đơn hàng và thu tiền của khách hàng rồi chiếm đoạt số tiền 1.602.000đồng (Một triệu sáu trăm lẻ hai nghìn đồng).

Ngày 30/12/2020 Tr giao 01 (một) đơn hàng và thu tiền của khách hàng rồi chiếm đoạt số tiền 2.301.000đồng (Hai triệu ba trăm linh một nghìn đồng).

Ngày 31/12/2020 Tr giao 01 (một) đơn hàng và thu tiền của khách hàng rồi chiếm đoạt số tiền 2.290.800đồng (Hai triệu hai trăm chín mươi nghìn tám trăm đồng).

Ngày 17/01/2021 Tr giao 15 (mười lăm) đơn hàng và thu tiền của khách hàng rồi chiếm đoạt số tiền 32.665.500đồng (Ba mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Ngày 18/01/2021 Tr giao 27 (hai mươi bảy) đơn hàng và thu tiền của khách hàng rồi chiếm đoạt số tiền 40.412.005đồng (Bốn mươi triệu bốn trăm mười hai nghìn không trăm linh năm đồng).

Nhận thấy số lượng đơn hàng bị “delay” nhiều nên công ty đã tiến hành liên hệ với khách hàng đã đặt hàng để kiểm tra thì phát hiện các khách hàng đã nhận được

hàng và trả tiền cho nhân viên giao hàng. Sau khi phát hiện, Công ty G đã tiến hành làm việc với Đông Nhật Tr, Tr thừa nhận đã giao hàng cho khách hàng và thu tiền nhưng không giao về Công ty, Công ty G yêu cầu Tr hoàn trả tiền đã thu của khách hàng cho Công ty, nhưng Tr không thực hiện nên Công ty G đã trình báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B.

- Vật chứng vụ án gồm:

+ Số tiền 84.820.305 đồng (Tám mươi bốn triệu tám trăm hai mươi nghìn ba trăm linh năm đồng) là số tiền Tr giao hàng cho khách hàng và thu tiền của khách hàng rồi chiếm đoạt sử dụng cá nhân hết, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu hồi được.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J4 Tr sử dụng để liên lạc với khách hàng giao hàng thu tiền và thao tác trên điện thoại để cập nhật tình trạng đơn hàng, hiện chiếc điện thoại trên đã hư hỏng Tr đã vứt bỏ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu hồi được.

- Về dân sự: Người đại diện theo ủy quyền của Công ty G ông Nguyễn Hồng S yêu cầu Đông Nhật Tr bồi thường số tiền 84.820.305 đồng (Tám mươi bốn triệu tám trăm hai mươi nghìn ba trăm linh năm đồng).

Bản cáo trạng số: 608/CT-VKSBH ngày 30/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Đông Nhật Tr về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên trình bày lời luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Đông Nhật Tr từ 05 (năm) năm tù đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Kính mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của bị hại, các chứng cứ khác có tại hồ sơ và cáo trạng

Viện kiểm sát nhân dân thành phố B mô tả. Ngày 23/6/2020, bị cáo Đông Nhật Tr, ký hợp đồng dịch vụ với Công ty G để thực hiện nhiệm vụ nhận hàng từ địa điểm kinh doanh số 44 của Công ty G địa chỉ số 92/5A, đường Trần Quốc Toản, khu phố 12, phường An Bình, thành phố B, tỉnh Đ, mang đi giao cho khách hàng rồi thu tiền của khách hàng giao lại cho Công ty. Quá trình làm việc bị cáo Tr lợi dụng nhiệm vụ được giao và sơ hở trong việc quản lý của Công ty từ ngày 24/12/2020 đến ngày 18/01/2021, bị cáo Tr đã nhiều lần nhận tổng số 48 đơn hàng từ nhân viên điều phối của Công ty mang đi giao cho khách hàng và thu được số tiền 84.820.305đồng (Tám mươi bốn triệu tám trăm hai mươi nghìn ba trăm linh năm đồng) nhưng không nộp về Công ty theo quy định mà cập nhật các đơn hàng đang bị “delay” để đối phó với Công ty rồi chiếm đoạt số tiền trên để tiêu xài cá nhân, sau đó hành vi của bị cáo Đông Nhật Tr bị phát hiện khởi tố để điều tra xử lý theo quy định.

[3] Từ đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Đông Nhật Tr đã phạm vào tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Hành vi của bị cáo đã lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn của bị cáo chiếm đoạt tài sản mà bị cáo có trách nhiệm quản lý nên cần có mức án nghiêm để cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường số tiền 84.820.305đồng cho bị hại, đại diện theo ủy quyền của bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo ngày 09/01/2023, bị cáo là lao động chính trong gia đình (đơn có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường An Bình, thành phố B, tỉnh Đ ngày 18/01/2023), bị cáo bị bệnh viêm gan virus B Man quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Công ty G yêu cầu bị cáo Đông Nhật Tr bồi thường số tiền 84.820.305đồng. Ngày 09/01/2023 bị cáo Đông Nhật Tr đã bồi thường số tiền 84.820.305đồng cho Công ty G, Công ty không yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo ngày 09/01/2023.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đông Nhật Tr phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đông Nhật Tr 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt

thi hành án phạt tù.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đ (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. B (2);
- Nhà tạm giữ Công an TP. B (1);
- Thi hành án hình sự (6);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Dung